

Bản án số: **89/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 17-10-2019

V/v: “*Ly hôn, nuôi con*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trọng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Long - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **17** tháng **10** năm **2019**, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số **161/2019/TLST-HNGĐ** ngày **29/7/2019**. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **97/2019/QĐXXST-HNGĐ** ngày **20** tháng **9** năm **2019** và Quyết định hoãn phiên tòa số **62/2019/QĐHPTST-HNGĐ** ngày **08** tháng **10** năm **2019** giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **HTT**, sinh năm **1989**.

HKTT: huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.

Nơi cư trú: huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.

*** Bị đơn:** Anh **NVT1**, sinh năm **1991**.

HKTT và cư trú: huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Chị **HTT** - *Có mặt*.

Anh **NVT1** – *Vắng mặt không có lý do*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị HTT trình bày:*

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh **NVT1** năm **2010**, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ngày **20/7/2010**. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại gia đình nhà chồng tại đội **6**, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm, sau đó do anh T1 mãi chơi không quan tâm đến vợ con nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, anh T1 còn biểu hiện có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn, bản thân chị và gia đình nhà chồng đã nhiều lần khuyên bảo anh T1 nhưng không có kết quả. Từ năm 2017, giữa chị và anh T1 chính thức ly thân, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội để ở và vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1 để cả hai ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu NVQ, sinh ngày 03/5/2011. Hiện cháu Q đang ở cùng anh T1 và gia đình anh T1. Ly hôn chị cũng muốn nuôi con nhưng anh T1 và gia đình không cho nên chị nhường quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho anh T1. Việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung chị sẽ tự nguyện và có trách nhiệm với con chung, chị đề nghị Tòa án cho chị được quyền thăm nom con chung vì hiện nay mỗi lần chị về thăm con thì gia đình anh T1 không cho chị thăm cháu.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn – anh NVT1 mặc dù Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T1 đều vắng mặt không có lý do.*

* *Tại Biên bản ghi lời khai ngày 07/8/2019, ông NVT2 là bố đẻ anh T1 trình bày:*

Về hôn nhân: Anh NVT1 và chị HTT kết hôn năm 2010, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội năm 2010. Sau khi kết hôn thì vợ chồng anh T1 sống tại nhà ông ở đội 6, huyện Chương Mỹ. Trong quá trình chung sống thì giữa vợ chồng anh T1 nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Chương Mỹ từ năm 2017 cho đến nay. Nay Chị T xin ly hôn với anh T1 thì quan điểm của ông đồng ý việc anh T1 và Chị T chia tay nhau và không có ý kiến gì.

Về con chung: Vợ chồng anh T1, Chị T có 01 con chung là cháu NVQ, sinh ngày 03/5/2011. Hiện cháu Q đang ở cùng anh T1 và gia đình ông. Anh T1 và Chị T ly hôn thì gia đình ông có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao cháu NVQ cho anh T1 được nuôi dưỡng con chung vì cháu Q ở cùng gia đình ông từ khi sinh ra cho đến nay, nếu anh T1 được nuôi con chung anh T1 không yêu cầu Chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì Chị T từ khi bỏ đi cho đến nay cháu Q vẫn do gia đình ông nuôi dưỡng chăm sóc cháu.

Về tài sản chung: Chị T và anh T1 sau khi lấy nhau ở chung với gia đình ông nên giữa anh T1 và Chị T không có tài sản chung gì đáng giá.

Tại phiên tòa: Chị HTT giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh NVT1; Chị T tự nguyện nhường quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu NVQ, sinh ngày

03/5/2011 cho anh T1; về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Các đương sự: Chị HTT đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án, anh NVT1 không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị HTT và cho Chị T được ly hôn anh NVT1; Về con chung: Đề nghị giao cháu NVQ, sinh ngày 03/5/2011 cho anh T1 nuôi dưỡng cho đến khi cháu NVQ tròn 18 tuổi. Chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung; *về tài sản chung, công nợ, công sức:* Chị HTT không yêu cầu giải quyết, anh NVT1 vắng mặt và không trình bày ý kiến của mình về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng nên không xem xét, trong trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác nếu các bên có yêu cầu. *Về án phí:* Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh NVT1 hiện cư trú tại huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 việc giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Về sự vắng mặt của anh NVT1: Anh NVT1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự nhưng anh T1 đều vắng mặt không có lý do, không khai báo theo yêu cầu của Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Việc anh T1 cố tình vắng mặt được coi là từ bỏ quyền của mình. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 28 Nghị quyết số 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh NVT1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị HTT kết hôn với anh NVT1 năm 2010 trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Tiến, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ngày 20/7/2010 nên hôn nhân giữa Chị T và anh T1 là hợp pháp. Quá trình chung sống, theo Chị T thì do anh T1 mãi chơi nên giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi nhau. Chị và anh T1 đã ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay, chị về nhà bố mẹ đẻ tại huyện Chương Mỹ để ở và vợ chồng không ai còn quan tâm đến nhau. Nay Chị T cương quyết xin ly hôn với anh T1. Nhận thấy: Chị T và anh T1 đã ly thân một

thời gian tương đối dài (từ đầu năm 2017 đến nay), giữa Chị T và anh T1 không tự đưa ra được phương án cải thiện tình cảm vợ chồng. Xét thấy: Tình cảm vợ chồng để cùng nhau xây dựng hạnh phúc cần có sự mong muốn đoàn tụ từ hai phía (Chị T + anh T1), nay Chị T không đồng ý đoàn tụ mà cương quyết xin ly hôn nên cần xác định mâu thuẫn giữa Chị T và anh T1 là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của Chị T và cho Chị T được ly hôn anh T1 để cả hai ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Chị HTT và anh NVT1 có 01 con chung là cháu NVQ, sinh ngày 03/5/2011. Hiện cháu Q đang ở cùng anh T1 và gia đình anh T1. Ly hôn Chị T tự nguyện nhường quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho anh T1 theo nguyện vọng của cháu Q và gia đình anh T1. Việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung Chị T sẽ tự nguyện và có trách nhiệm với cháu. Xét thấy, Chị T và anh T1 có 01 là cháu NVQ và hiện cháu Q đang ở cùng anh T1, cháu Q cũng có nguyện vọng được ở cùng anh T1, Chị T tự nguyện nhường quyền nuôi dưỡng cháu Q cho anh T1 nên cần ghi nhận sự tự nguyện của Chị T và giao cháu Q cho anh T1 nuôi dưỡng để không bị xáo trộn đến cuộc sống của cháu. Vì vậy, giao cháu Q cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Q đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Chị HTT có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị HTT không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho Chị T cho đến khi các bên có yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị HTT không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Trong trường hợp có yêu cầu về tài sản chung, công sức, công nợ sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác nếu các bên có yêu cầu.

[2.5] Về án phí: Chị HTT phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chị HTT được ly hôn anh NVT1.

2. Về con chung: Chị HTT và anh NVT1 có 01 con chung là cháu NVQ sinh, ngày 03/5/2011.

Giao cháu NVQ, sinh ngày 03/5/2011 cho anh NVT1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu NVQ đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định khác.

Chị HTT có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Chị HTT không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị HTT cho đến khi các bên có yêu cầu.

4. Về tài sản, công nợ chung, công sức: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị HTT phải chịu **300.000** đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Chị HTT đã nộp **300.000** đồng (*theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004181 ngày 26 tháng 7 năm 2019*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị HTT có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án. Anh NVT1 có quyền kháng cáo trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi của trú.

Nơi nhận:

- TAND tp Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ,
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Tân Tiến, Chương Mỹ
- Các đương sự;
- Lưu HSVA/VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Long